

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – O phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2020
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Ông Phạm Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kiều O**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: M Ấp H, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Minh T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: H Ấp M, xã B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà O, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2019 và các lời trình bày của bà Phạm Thị Kiều O có nội dung:

Bà quen biết và kết hôn với ông Huỳnh Minh T từ năm 2005 nhưng đến năm 2011 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông T chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không

hạnh phúc. Bà đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2018 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Tấn P sinh ngày 28/12/2006 và Huỳnh Tiến Đ sinh ngày 03/02/2012. Bà O yêu cầu ông T nuôi dưỡng 02 con chung, bà O không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/3/2020, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, ông Huỳnh Minh T, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà O. Phiên tòa hôm nay, ông T cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Dại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà O đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O.

Về con chung: Bà O yêu cầu ông T nuôi dưỡng 02 con chung, bà O không cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ vì hiện tại các con chung cũng đang sống với ông T và ông T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, về yêu cầu bà O cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Kiều O khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Minh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Tân An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Phạm Thị Kiều O, Bị đơn là ông Huỳnh Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông T đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T không chấp hành. Riêng bà O đã có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều O và ông Huỳnh Minh T tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Long An năm 2011 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà O thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà O yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến của ông là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà O. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà O và ông T đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà O và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà O là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà O và ông T có hai (02) con chung tên Huỳnh Tấn P sinh ngày 28/12/2006 và Huỳnh Tiến Đ sinh ngày 03/02/2012. Thấy rằng, con chung hiện đang sống với ông T và có cuộc sống ổn định, bà O yêu cầu ông T nuôi dưỡng 02 con chung do hoàn cảnh của bà hiện giờ khó khăn, không có điều kiện nuôi dưỡng các con, các con chung cũng đồng ý sống với ông T, ông T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao con chung cho ông T nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung.

[5] Bà O có ý kiến là không cấp dưỡng nuôi con, ông T cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O, không buộc bà O cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Bà O được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông T và bà O có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà O đã nộp sang thành tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà O đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kiều O, cho bà Phạm Thị Kiều O ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Tấn P sinh ngày 28/12/2006 và Huỳnh Tiến Đ sinh ngày 03/02/2012 cho ông Huỳnh Minh T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Phạm Thị Kiều O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Kiều O có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Huỳnh Minh T, bà Phạm Thị Kiều O có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Kiều O phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004183 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà O đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh